

Bản án số: **44/2021/HNGĐ – ST**

Ngày 14-7-2021

V/v “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Quyết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Vui

2. Bà Nguyễn Kim Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 137/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1971 (vắng mặt có lý do)

Địa chỉ: số 23/34, ấp Bình Tây, xã Vĩnh T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

**\* Bị đơn:** Ông **Lý Tấn N**, sinh năm 1972 (vắng mặt có lý do)

Địa chỉ: tổ 1, Kp.Ninh T, TT.Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

**NỘI D VU ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 3 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị D và ông Lý Tấn N tự nguyện chung sống từ năm 2001, có đăng ký kết tại UBND phường Phú Khương, thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên bà Nguyễn Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Lý Tấn N.

*Về con chung:* Bà Nguyễn Thị D và ông Lý Tấn N có 02 người con chung tên là: Lý Diễm H, sinh ngày 30/01/2002 và Lý Diễm N1, sinh ngày 18/10/2007. Hiện con đang sống chung với bà Nguyễn Thị D. Khi ly hôn con Lý Diễm H, sinh ngày 30/01/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi con chung. Đối với con Lý Diễm N1, sinh ngày 18/10/2007 bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, chăm sóc. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lý Tấn N trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lý Tấn N và bà Nguyễn Thị D tự nguyện chung sống từ năm 2001, có đăng ký kết tại UBND phường Phú Khương, thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay bà Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn với ông thì ông Lý Tấn N đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

*Về con chung:* Bà Nguyễn Thị D và ông Lý Tấn N có 02 người con chung tên là: Lý Diễm H, sinh ngày 30/01/2002 và Lý Diễm N1, sinh ngày 18/10/2007. Hiện con đang sống chung với bà Nguyễn Thị D. Khi ly hôn con Lý Diễm H, sinh ngày 30/01/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi con chung. Đối với con Lý Diễm N1, sinh ngày 18/10/2007 ông Lý Tấn N đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc.

*Về tài sản chung:* Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Quá trình làm việc xác định ông Lý Tấn N hiện nay đang cư trú tại TT.Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn đã có văn bản đề nghị được xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội D vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1971 và ông Lý Tấn N, sinh năm 1972 tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Khương, thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre. Vì vậy, hôn nhân của bà Nguyễn Thị D và ông Lý Tấn N là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ việc bà Nguyễn Thị D và ông Lý Tấn N đều khẳng định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012 và đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay bà Nguyễn Thị D xác định không còn tình cảm với ông Lý Tấn N và yêu cầu được ly hôn thì ông Lý Tấn N cũng đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị D. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Lý Tấn N đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị D.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Lý Tấn N có 02 người con chung tên là: Lý Diễm H, sinh ngày 30/01/2002 và Lý Diễm N1, sinh ngày 18/10/2007. Hiện con đang sống chung với bà Nguyễn Thị D. Khi ly hôn con Lý Diễm H, sinh ngày 30/01/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi con chung. Đối với con Lý Diễm N1, sinh ngày 18/10/2007 ông Lý Tấn N đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc. Đồng thời nguyện vọng của con Lý Diễm N1 là muốn được sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn và bà Nguyễn Thị D cũng đồng ý nuôi con Lý Diễm N1. Vì vậy, cần giao con chung Lý Diễm N1 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Lý Tấn N khẳng định không có tài sản chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Lý Tấn N khẳng định không có nợ chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà Nguyễn Thị D phải chịu số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84, 85, 86 và 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị D ly hôn với ông Lý Tấn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Lý Diễm N1, sinh ngày 18/10/2007 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, n vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Lý Tấn N khẳng định không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 019667 ngày 23/4/2021.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND phường Phú Khương, Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Quyết**